

Mẫu số 01-A

CÔNG TY CỔ PHẦN VNG

Số: 06/2024/CBTT-VNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công Ty Cổ Phần VNG thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính hợp nhất ("BCTC") năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: VNZ
- Địa chỉ: Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại liên hệ/Tel: (028) 3962388 Fax:
- Email:..... Website: <https://vng.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được kiểm toán năm 2023):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không



+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10 / 5 /2024 tại đường dẫn: <https://vng.com.vn/news/shareholders/cbtt-bao-cao-tai-chinh-nam-2023.html>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC hợp nhất năm 2023
- Văn bản giải trình số 0467/2024/CV-VNG



Đại diện tổ chức

NGƯỜI ỦY QUYỀN CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

TRẦN VĂN KHÁNH GIANG



Công ty Cổ phần VNG

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần VNG

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần VNG

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 70

Công ty Cổ phần VNG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- ▶ nghiên cứu và phát triển phần mềm; sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ điều hành và phân phối các trò chơi trực tuyến;
- ▶ quảng cáo trực tuyến;
- ▶ thương mại điện tử;
- ▶ sản xuất linh kiện, máy vi tính, thiết bị ngoại vi và thiết bị viễn thông;
- ▶ dịch vụ giá trị gia tăng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xây dựng, lưu trữ và khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet: các dịch vụ thông tin qua điện thoại, dịch vụ viễn thông khác không có hạ tầng mạng, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết, theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06, Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần VNG

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Sỹ Nhân	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2023
Ông Lê Hồng Minh	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2023
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2023
Ông Vương Quang Khải	Thành viên	
Bà Christina Gaw	Thành viên	
Ông Edphawin Jetjirawat	Thành viên	
Ông Nguyễn Lê Quốc Anh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Trương Thị Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Hân	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Minh	Tổng Giám đốc
Ông Vương Quang Khải	Đồng sáng lập, Phó Tổng Giám đốc Thường trực Cấp cao
Ông Nguyễn Lê Thành	Phó Tổng Giám đốc VNG, Tổng Giám đốc Digital Business
Ông Wong Kelly Yin Hon	Phó Tổng Giám đốc VNG, Tổng Giám đốc VNGGames
Ông Tan Wei Ming	Phó Tổng Giám đốc Tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hồng Minh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần VNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 5 năm 2024

Số tham chiếu: 11537012/66926640-VAS-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông của Công ty Cổ phần VNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm theo của Công ty Cổ phần VNG (“Công ty”) và các công ty con (“Tập đoàn”) được lập ngày 10 tháng 5 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 70, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 3.1 của báo cáo tài chính hợp nhất, trình bày rằng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn đã thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận doanh thu trò chơi trực tuyến. Việc thay đổi trong chính sách kế toán này được áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 trên cơ sở phi hồi tố, vì Tập đoàn không thể xác định được ảnh hưởng cụ thể của từng kỳ hoặc ảnh hưởng lũy kế của sự thay đổi đến cuối năm trước do các giới hạn trước đây trong hệ thống theo dõi dữ liệu người chơi. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo tài chính hợp nhất là không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán năm hiện tại do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán trên cơ sở phi hồi tố nêu trên.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN Kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1

Thái Trọng Cang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN Kiểm toán
Số: 4139-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 5 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.490.264.068.120	4.862.757.122.377
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	3.837.906.886.822	2.629.077.198.459
111	1. Tiền		2.318.913.787.644	2.113.902.916.018
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.518.993.099.178	515.174.282.441
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		136.824.412.924	445.497.043.140
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	136.824.412.924	445.497.043.140
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		945.544.732.596	1.248.467.602.906
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	538.203.242.635	558.237.938.224
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	213.998.904.911	321.175.261.959
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	275.982.480.210	371.906.020.502
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.3	(82.639.895.160)	(2.851.617.779)
140	IV. Hàng tồn kho		83.454.442.074	88.837.768.006
141	1. Hàng tồn kho	9	84.410.549.193	89.952.586.092
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9	(956.107.119)	(1.114.818.086)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		486.533.593.704	450.877.509.866
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	212.379.601.605	208.510.553.037
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		249.249.038.511	222.699.369.193
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		24.904.953.588	19.667.587.636
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.104.402.550.705	4.036.958.040.578
210	I. Khoản phải thu dài hạn		10.888.049.512	15.153.728.062
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	10.888.049.512	15.153.728.062
220	II. Tài sản cố định		2.287.693.005.785	1.197.924.803.429
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.070.648.943.610	978.190.988.169
222	Nguyên giá		3.490.001.408.476	2.174.440.745.558
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.419.352.464.866)	(1.196.249.757.389)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	217.044.062.175	219.733.815.260
228	Nguyên giá		984.954.708.907	868.093.730.225
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(767.910.646.732)	(648.359.914.965)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		212.985.451.662	1.038.718.554.484
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	212.985.451.662	1.038.718.554.484
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		1.181.847.462.516	1.458.773.399.246
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	14.1	992.467.125.745	1.174.518.367.238
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.2	291.173.144.967	286.612.032.008
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14.2	(102.792.808.196)	(2.357.000.000)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	1.000.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		410.988.581.230	326.387.555.357
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	386.388.659.539	268.689.047.771
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.3	9.263.415.401	2.843.345.891
269	3. Lợi thế thương mại	15	15.336.506.290	54.855.161.695
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.594.666.618.825	8.899.715.162.955

BẢNG CÂN ĐÒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.784.566.568.599	3.785.127.885.393
310	I. Nợ ngắn hạn		5.361.907.865.570	2.785.961.837.622
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	534.024.599.239	926.832.177.126
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	57.332.519.847	24.708.318.560
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	128.927.487.916	114.080.387.112
314	4. Phải trả người lao động		66.350.674.729	11.690.467.406
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	1.385.447.183.044	909.646.576.123
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	1.529.821.224.450	79.778.183.374
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	794.558.454.124	674.822.616.913
320	8. Vay ngắn hạn	22	865.445.722.221	44.403.111.008
330	II. Nợ dài hạn		1.422.658.703.029	999.166.047.771
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	99.177.031.928	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	21	305.659.674	246.635.674
338	3. Vay dài hạn	22	617.728.536.712	399.627.999.020
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.3	685.540.710.915	585.833.683.884
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	23	19.906.763.800	13.457.729.193
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.810.100.050.226	5.114.587.277.562
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.810.100.050.226	5.114.587.277.562
411	1. Vốn cổ phần	24.1	287.360.000.000	358.442.620.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		287.360.000.000	358.442.620.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	(409.833.750.565)	783.503.561.013
415	3. Cổ phiếu quỹ	24.1	-	(1.264.419.931.578)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.1	15.684.217.402	9.835.765.373
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	2.842.320.047.141	5.092.951.627.944
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.943.330.305.805	6.170.095.251.914
421b	- Lỗ năm nay		(2.101.010.258.664)	(1.077.143.623.970)
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	74.569.536.248	134.273.634.810
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.594.666.618.825	8.899.715.162.955

Lê Thị Hồng Hạnh
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 10 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	7.592.705.115.305	7.800.524.774.926
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27, 31	(5.304.370.047.476)	(4.363.495.796.170)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.288.335.067.829	3.437.028.978.756
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	94.385.288.448	135.699.733.451
22 23	5. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	28	(220.854.441.272) (84.267.203.480)	(26.328.270.302) -
24	6. Phần lỗ trong công ty liên kết	14.1	(298.125.424.395)	(181.213.508.024)
25	7. Chi phí bán hàng	29, 31	(2.385.651.703.488)	(2.727.839.104.351)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29, 31	(1.564.028.649.250)	(1.578.943.163.656)
30	9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.085.939.862.128)	(941.595.334.126)
31	10. Thu nhập khác	30	14.610.087.651	23.511.114.336
32	11. Chi phí khác	30	(78.496.462.200)	(200.491.358.789)
40	12. Lỗ khác	30	(63.886.374.549)	(176.980.244.453)
50	13. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(2.149.826.236.677)	(1.118.575.578.579)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(74.131.700.238)	(146.841.504.651)
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	32.3	(93.286.957.521)	(268.499.873.286)
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(2.317.244.894.436)	(1.533.916.956.516)

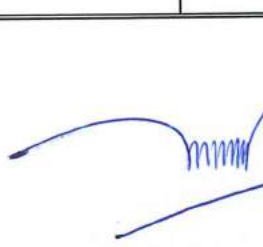

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
61	17. Lỗ sau thuế thuộc về cổ đông của công ty mẹ		(2.101.010.258.664)	(1.077.143.623.970)
62	18. Lỗ sau thuế thuộc về cổ đông không kiểm soát	25	(216.234.635.772)	(456.773.332.546)
70	19. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	34	(73.114)	(41.509)
71	20. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	34	(73.114)	(41.509)



Lê Thị Hồng Hạnh
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng

Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

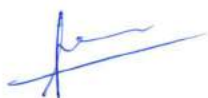
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lỗ kế toán trước thuế		(2.149.826.236.677)	(1.118.575.578.579)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và lợi thế thương mại	11, 12, 15	414.587.390.902	443.297.414.453
03	Các khoản dự phòng		169.361.141.950	203.574.019.685
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(13.684.852.415)	(9.064.642.011)
05	Lỗ từ hoạt động đầu tư		295.146.975.195	72.766.842.388
07	Chi phí lãi vay	28	84.267.203.480	-
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.200.148.377.565)	(408.001.944.064)
09	Giảm các khoản phải thu		236.564.950.450	629.588.258.990
10	Giảm hàng tồn kho		5.542.036.899	29.895.762.934
11	Tăng các khoản phải trả		2.120.153.344.506	25.921.341.861
12	Tăng chi phí trả trước		(121.856.055.487)	(60.432.027.736)
14	Tiền lãi vay đã trả		(82.573.517.628)	-
15	Thuế TNDN đã nộp		(60.191.709.638)	(139.930.018.518)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		897.490.671.537	77.041.373.467
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(970.319.716.244)	(1.386.275.046.761)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		280.915.887	11.256.937.796
24	Tiền thu thuần tiền gửi kỳ hạn ngân hàng		190.372.630.216	2.134.123.695.049
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(28.881.459.812)	(1.258.182.528.547)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		16.423.176.338	20.706.369.477
27	Tiền lãi và cổ tức được nhận		49.597.166.329	145.898.434.019
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(742.527.287.286)	(332.472.138.967)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền nhận đặt cọc mua cổ phần và tiền nhận góp vốn từ các cổ đông không kiểm soát		14.932.822.171	162.841.939.003
32	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu		-	(18.595.220.000)
33	Tiền thu từ đi vay	22	1.830.202.074.627	269.906.110.028
34	Tiền trả nợ gốc vay	22	(791.058.925.722)	-
36	Cổ tức đã trả	25	(2.780.018)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.054.073.191.058	414.152.829.031

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		1.209.036.575.309	158.722.063.531
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		2.629.077.198.459	2.467.527.015.552
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ		(206.886.946)	2.828.119.376
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	3.837.906.886.822	2.629.077.198.459



Lê Thị Hồng Hạnh
Người lập



Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 5 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- ▶ nghiên cứu và phát triển phần mềm, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ điều hành và phân phối các trò chơi trực tuyến;
- ▶ quảng cáo trực tuyến;
- ▶ thương mại điện tử;
- ▶ sản xuất linh kiện, máy vi tính, thiết bị ngoại vi và thiết bị viễn thông;
- ▶ dịch vụ giá trị gia tăng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xây dựng, lưu trữ và khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet: các dịch vụ thông tin qua điện thoại, dịch vụ viễn thông khác không có hạ tầng mạng, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết, theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06, Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn, bao gồm Công ty và các công ty con, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3.589 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3.885 người).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp, hai mươi lăm (25) công ty con gián tiếp, bốn (4) công ty liên kết trực tiếp và năm (5) công ty liên kết gián tiếp với chi tiết về tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết cả trực tiếp và gián tiếp được trình bày như bảng bên dưới.

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN/HIN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp và hai mươi lăm (25) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
I.	Công ty con trực tiếp					
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Vi Na ("ViNaData")	99,989	99,989	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ và công nghệ thông tin	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ EPI ("EPI")	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang mạng, phần mềm và các công nghệ truyền thông	Đang hoạt động
3.	Công ty TNHH VNG Online ("VNG Online")	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và sản xuất phần mềm các loại	Đang hoạt động
4.	Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vi Na ("Vinanet")	99,50	99,50	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông	Đang hoạt động
5.	Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VNG ("VNGS")	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
6.	Công ty TNHH Zie ("Zie") ¹	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
7.	Công ty Cổ phần Zion ("Zion")	72,654	72,654	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ trung gian thanh toán	Đang hoạt động
8.	Công ty TNHH ZingPlay Việt Nam ("ZPS")	100,00	100,00	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
9.	Công ty Cổ phần A4B ("A4B")	69,80	69,80	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm	Đang hoạt động
10.	Quý Kiến tạo ước mơ ("DMF")	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quý xã hội, tổ chức phi lợi nhuận	Đang hoạt động

¹ Tiền thân là Công ty TNHH Long Đình

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN/HIN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp và hai mươi lăm (25) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau: (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
I. Công ty con trực tiếp (tiếp theo)						
11.	Công ty TNHH Verichains ("Verichains")	100,00	100,00	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
12.	Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm VTH ("VTH") ² (*)	100,00	100,00	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cho thuê văn phòng	Trước hoạt động
II. Công ty con gián tiếp						
1.	Công ty TNHH Truyền thông Minh Phương Thịnh ("MPT")	100,00	100,00	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần VNG Data Center ("VNG DC") ³	99,989	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
3.	VNG Singapore Pte. Ltd. ("VNG Singapore")	99,989	100,00	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi	Đang hoạt động
4.	VNG Myanmar Company Limited ("VNG Myanmar")	99,989	100,00	Thành phố Yangon, Myanmar	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
5.	MLT Hong Kong Limited ("MLT HK") (*)	100,00	100,00	Hong Kong	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Trước hoạt động
6.	VNG Games Co., Ltd ("VNG Games")	99,989	100,00	Thành phố Bangkok, Thái Lan	Phát triển và cấp nhất trò chơi trực tuyến và trò chơi trên điện thoại	Đang hoạt động

² Tiền thân là Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VTH.

³ Tiền thân là Công ty TNHH VNG Data Center.

Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp và hai mươi lăm (25) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau: (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
II.	Công ty con gián tiếp (tiếp theo)					
7.	Công ty Cổ phần XFM ("XFM")	99,98	99,98	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
8.	ZingPlay International Pte. Ltd. ("ZPI")	99,989	100,00	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính	Đang hoạt động
9.	Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Truyền Thông Thanh Sơn ("Thanh Sơn")	72,654	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh thẻ trò chơi và thẻ viễn thông	Đang hoạt động
10.	Công ty Cổ phần Adtima ("Adtima")	99,999	99,999	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
11.	Công ty Cổ phần Fiza ("Fiza")	99,997	99,998	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
12.	Công ty TNHH VNG Solutions ("VNG Solutions")	99,50	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
13.	Công ty Cổ phần Mixus ("Mixus")	99,934	99,934	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
14.	KMZ Interactive Entertainment (Shenzhen) Co., Ltd ("KMZ") (*)	99,989	100,00	Trung Quốc	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Trước hoạt động
15.	Verichains SG Pte. Ltd ("Verichains SG")	100,00	100,00	Singapore	Phát triển phần mềm và ứng dụng, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác	Đang hoạt động
16.	InstantiaPay Holdings Pte. Ltd. ("Instpay Holco") (i) (*)	47,730	66,67	Singapore	Hoạt động đầu tư	Trước hoạt động

(i) Tập đoàn giữ 50% tỷ lệ quyền sở hữu trực tiếp ở Instpay Holco theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết 66,67% được tính bao gồm cả tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp và hai mươi lăm (25) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau: (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
II.	Công ty con gián tiếp (tiếp theo)					
17.	InstantiaPay SG Pte. Ltd. ("Instpay SG") (*)	47,730	100,00	Singapore	Dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và trợ cấp hưu trí)	Trước hoạt động
18.	InstantiaPay Pty Ltd ("Instpay AU") (*)	47,730	100,00	Úc	Dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và trợ cấp hưu trí)	Trước hoạt động
19.	InstantiaPay Limited (United Kingdom) ("Instpay UK") (*)	47,730	100,00	Vương quốc Anh	Dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và trợ cấp hưu trí)	Trước hoạt động
20.	InstantiaPay Limited (Hongkong) ("Instpay HK") (*)	47,730	100,00	Hong Kong	Dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và trợ cấp hưu trí)	Trước hoạt động
21.	Công ty TNHH InstantiaPay Việt Nam ("Instpay VN") (*)	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Trước hoạt động
22.	VNG Investment Pte. Ltd. ("VNG Investment") (*)	100,00	100,00	Singapore	Phát triển và kinh doanh phần mềm, thiết bị và phụ tùng máy tính và các dịch vụ liên quan đến phần mềm	Trước hoạt động
23.	YoPlatform FZE ("YoPlatform") (*)	100,00	100,00	Dubai, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Trước hoạt động
24.	Công ty Cổ phần Greenode ("Greenode Việt Nam") (*)	98,989	99,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Trước hoạt động
25.	Greenode Pte. Ltd. ("Greenode SG") (*)	99,989	100,00	Singapore	Cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu	Trước hoạt động

(*) Các công ty này đang ở giai đoạn trước hoạt động, nghĩa là đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn phát sinh khoản lỗ thuần sau thuế với giá trị là 2.317.244.894.436 VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tập đoàn đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo kể từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, bao gồm việc xem xét đến yếu tố tăng trưởng doanh thu và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động để cải thiện dòng tiền từ hoạt động kinh doanh. Tập đoàn tin tưởng rằng, dựa trên kế hoạch dòng tiền dự phóng, Tập đoàn có thể đảm bảo đủ nguồn tiền và các khoản tương đương tiền để đáp ứng các nhu cầu hoạt động kinh doanh thông thường trong vòng 12 tháng tới. Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận doanh thu trò chơi trực tuyến

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, ngoại trừ thay đổi trong chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận doanh thu trò chơi trực tuyến.

Cho đến năm 2022, doanh thu trò chơi trực tuyến được ghi nhận khi thẻ và/hoặc mã số thẻ trò chơi trực tuyến hoặc tin nhắn được bán cho người sử dụng theo hướng dẫn tại Công văn số 7932/BTC-CĐKT ngày 27 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tài chính cho phép Tập đoàn áp dụng chính sách kế toán này do tính chất đặc thù của hoạt động kinh doanh trò chơi trực tuyến và hệ thống theo dõi dữ liệu người chơi của Tập đoàn. Bắt đầu từ năm 2023, Tập đoàn chuyển sang ghi nhận doanh thu trò chơi trực tuyến khi nghĩa vụ thực hiện với người chơi được hoàn thành. Tập đoàn thực hiện thay đổi nói trên phù hợp với sự phát triển trong hệ thống thông tin hiện đã cho phép Tập đoàn có thể theo dõi dữ liệu người chơi của các trò chơi trực tuyến.

Việc thay đổi trong chính sách kế toán này được áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 trên cơ sở phi hồi tố, vì Tập đoàn không thể xác định được ảnh hưởng cụ thể của từng kỳ hoặc ảnh hưởng lũy kế của sự thay đổi đến cuối năm trước do các giới hạn trước đây trong hệ thống theo dõi dữ liệu người chơi. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo tài chính hợp nhất là không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán năm hiện tại do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán trên cơ sở phi hồi tố nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa cuối kỳ với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Khu Chế Xuất Tân Thuận Đông số 258/TTC-NV.13 vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 trong thời hạn 28 năm, số 078/TTC-NV.16 vào ngày 27 tháng 4 năm 2016 trong thời hạn 25 năm và theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký với Công ty TNHH Mtex (Việt Nam) vào ngày 8 tháng 6 năm 2020 cho thời hạn thuê 21 năm và theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký với Công ty TNHH Quốc tế Hoàng Việt vào ngày 7 tháng 12 năm 2022 cho thời hạn thuê 19 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí dự án hay chi phí theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	3 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
Tài sản khác	2 – 5 năm

Trường hợp các phần của một tài sản cố định hữu hình có thời hạn hữu dụng khác nhau, chi phí của phần đó được phân bổ hợp lý giữa các phần và được trích khấu hao riêng.

Trong năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất việc đánh giá lại thời gian sử dụng hữu ích của các máy chủ, là một phần máy móc thiết bị của Tập đoàn. Theo đó, Tập đoàn đã quyết định điều chỉnh việc ước tính thời gian sử dụng hữu ích của các máy chủ này từ ba năm lên năm năm, do các tiến bộ vượt bậc về công nghệ. Việc thay đổi trong ước tính kế toán này sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 và áp dụng về sau đối với các máy chủ có số dư chưa khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như các máy chủ cùng loại được mua mới trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Phần mềm

Phần mềm được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua phần mềm.

Chi phí nghiên cứu và triển khai

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong năm. Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Tập đoàn đồng thời thỏa mãn được các điều kiện sau:

- ▶ Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản cố định vô hình vào sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Tập đoàn dự định hoàn thành tài sản cố định vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Tập đoàn có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản cố định vô hình đó;
- ▶ Tài sản cố định vô hình đó phải tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai;
- ▶ Tập đoàn có đầy đủ các nguồn lực để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản cố định vô hình đó; và
- ▶ Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản cố định vô hình đó.

Chi phí triển khai đã được vốn hóa được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Hao mòn chi phí triển khai được bắt đầu khi quá trình phát triển đã được hoàn thành và tài sản cố định vô hình đã sẵn sàng để sử dụng.

Chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ

Tập đoàn ghi nhận tất cả chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ phát sinh liên quan đến giai đoạn hoạch định và chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa hoặc bảo trì các trang mạng và phần mềm hiện hành vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển và đáp ứng các tiêu chuẩn vốn hóa chi phí phát triển được vốn hóa và phân bổ trong thời gian sử dụng ước tính.

Tài sản cố định vô hình hình thành từ việc hợp nhất kinh doanh

Giá gốc của tài sản cố định vô hình hình thành từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản (8 - 10 năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc và bao gồm:

Trò chơi và phần mềm dở dang

Trò chơi và phần mềm dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc phát triển trò chơi và phần mềm dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản dở dang

Tài sản dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc mua sắm tài sản và xây dựng dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt thiết bị và các chi phí phát sinh trực tiếp khác cho đến khi tài sản được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Tập đoàn không trích khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho đến khi tài sản sẵn sàng để đưa vào sử dụng.

3.9 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa mười (10) năm.

Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Tập đoàn/Nhóm Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu*

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo chương trình quyền chọn trên báo cáo tài chính hợp nhất cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này tại Thuyết minh số 36 của báo cáo tài chính hợp nhất do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

3.19 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu trò chơi trực tuyến

Tập đoàn phân phối các trò chơi trực tuyến, bao gồm các trò chơi mà Tập đoàn tự phát triển và các trò chơi được cấp phép bởi các nhà phát triển trò chơi, thông qua máy tính cá nhân (PC), ứng dụng trên thiết bị di động hoặc trình duyệt web và các cửa hàng ứng dụng điện tử cho phép người chơi được chơi miễn phí hoặc có trả phí. Trong các trò chơi này, người chơi có thể mua tiền ảo để nhận hàng hóa ảo hoặc có thể mua hàng hóa ảo trực tiếp ("vật phẩm ảo") để nâng cao trải nghiệm chơi trò chơi của họ. Tập đoàn ghi nhận doanh thu chưa thực hiện khi nhận được tiền từ việc người chơi mua trực tiếp tiền ảo hoặc vật phẩm ảo, hoặc khi người chơi sử dụng thẻ nạp tiền để mua tiền ảo hoặc vật phẩm ảo.

Theo các thỏa thuận cấp phép với các nhà phát triển trò chơi trực tuyến, trong trường hợp Tập đoàn chịu trách nhiệm kiểm soát, vận hành và bảo trì trò chơi, bao gồm việc duy trì đội ngũ vận hành và bảo mật, môi trường thử nghiệm và dịch vụ khách hàng, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở gộp. Phí bản quyền trả cho nhà phát triển trò chơi (dựa trên tỷ lệ chia sẻ doanh thu) được ghi nhận vào giá vốn khi phát sinh. Trong trường hợp ngược lại, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thuần, tức là, sau khi trừ đi phí bản quyền.

Đối với trò chơi trực tuyến, nghĩa vụ thực hiện của Tập đoàn được xác định khi Tập đoàn tạo ra trò chơi và cung cấp các dịch vụ liên quan đến trò chơi diễn ra xuyên suốt cho người chơi. Khi đó, doanh thu được ghi nhận khi nghĩa vụ thực hiện được hoàn tất. Với mục đích xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ, Tập đoàn đã xem xét đến một số yếu tố bao gồm: tính chất của từng trò chơi, tính chất của vật phẩm ảo được bán, cách bán vật phẩm ảo và tầm quan trọng của chúng đối với người chơi.

Hàng quý, Tập đoàn ước tính thời gian chơi trung bình của người chơi cho mỗi trò chơi trực tuyến dựa trên "tỷ lệ rời bỏ" bằng cách sử dụng nhiều điểm dữ liệu trong ba tháng của quý. Để tính toán tỷ lệ rời bỏ, Tập đoàn xác định số lượng người chơi thực hiện thanh toán vào tháng đầu tiên của mỗi quý và theo dõi hành vi của người chơi để xác định tỷ lệ rời bỏ tiếp theo của những người chơi, tức là, số lượng người chơi không đăng nhập vào trò chơi trong hai tháng tiếp theo của quý. Tập đoàn xác định rằng một người chơi sẽ "rời bỏ" nếu thanh toán vào tháng đầu tiên của quý nhưng không quay lại chơi trò chơi trong những tháng còn lại của quý đó. Đối với vài trò chơi trực tuyến riêng biệt, hoặc khi một trò chơi mới được ra mắt và chỉ có một khoảng thời gian giới hạn về dữ liệu người chơi trả tiền, Tập đoàn sẽ xem xét các yếu tố khác để ước tính thời gian chơi của người chơi, chẳng hạn như thời gian chơi ước tính của người chơi các trò chơi khác có đặc điểm tương tự.

Mặc dù Tập đoàn tin rằng các ước tính của mình là hợp lý dựa trên thông tin về người chơi trò chơi trực tuyến có sẵn tại mỗi thời điểm, nhưng thời gian chơi trung bình ước tính có thể được điều chỉnh nếu đặc điểm của người chơi trò chơi thay đổi. Việc điều chỉnh doanh thu phát sinh từ việc thay đổi ước tính về thời gian chơi trung bình trong một quý nhất định sẽ được hạch toán tương ứng như một thay đổi trong ước tính kế toán. Sự thay đổi như vậy là kết quả của thông tin mới về mô hình hành vi của người chơi trò chơi trực tuyến.

Tập đoàn cung cấp nhiều phương thức để người dùng thanh toán các vật phẩm ảo trong trò chơi, bao gồm nền tảng ZaloPay, chuyển khoản ngân hàng, thẻ tín dụng, thanh toán thông qua điện thoại di động, thẻ trả trước do chính Tập đoàn bán thông qua các đại lý và các cổng thanh toán trực tuyến khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu trò chơi trực tuyến (tiếp theo)

Đối với doanh thu nhận được thông qua nền tảng điện thoại di động, giá giao dịch là tổng số tiền mà Tập đoàn tính cho người chơi vì Tập đoàn là chủ thể trong giao dịch này. Tập đoàn kiểm soát dịch vụ cung cấp trò chơi trực tuyến cho người chơi và có thỏa thuận hợp đồng trực tiếp với người chơi trả tiền. Phí nền tảng và phí xử lý thanh toán được ghi nhận là giá vốn.

Đối với doanh thu nhận được thông qua các kênh phân phối khác (chẳng hạn như thông qua đại lý, công ty viễn thông và nền tảng trực tuyến), Tập đoàn cũng là chủ thể trong các giao dịch này. Tập đoàn ghi nhận doanh thu theo số tiền nhận được từ nhà phân phối. Các nhà phân phối này có thể chọn thay đổi mức giá mà Tập đoàn yêu cầu bằng cách đưa ra chiết khấu hoặc các ưu đãi khác cho người chơi. Tập đoàn không nhận được thông tin từ các nhà phân phối này về số tiền giảm giá, hoặc ưu đãi, hoặc số tiền thực tế mà người chơi thanh toán.

Tập đoàn ghi nhận chi phí cho các kênh thanh toán là chi phí phát sinh gia tăng, nhất quán với cách ghi nhận doanh thu tương ứng. Đối với những trò chơi trực tuyến, trong đó các yếu tố cho thấy trải nghiệm chơi trò chơi và môi trường ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn là vật phẩm ảo được bán, thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận theo thời gian chơi trung bình ước tính của người chơi. Đối với những trò chơi trong đó các yếu tố cho thấy vật phẩm ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn trải nghiệm chơi trò chơi thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận trên cơ sở nhất quán với doanh thu liên quan.

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến bao gồm doanh thu từ việc quảng cáo trên trang chủ của Tập đoàn, trên trang chủ của các trò chơi trực tuyến dưới hình thức banner, các địa chỉ kết nối và biểu tượng, v.v. và được ghi nhận dựa trên thời gian thực tế mà các quảng cáo này xuất hiện trên trang mạng tương ứng.

Dịch vụ công nghệ tài chính và các dịch vụ đầu tư dài hạn khác

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Khi cung cấp dịch vụ theo chương trình dành cho khách hàng truyền thống thỏa mãn đồng thời các điều kiện quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở tổng số tiền thu được trừ đi phần doanh thu chưa thực hiện là giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ cung cấp miễn phí hoặc số tiền chiết khấu, giảm giá cho khách hàng. Doanh thu đối với hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí đó sẽ được ghi nhận khi đã thực hiện nghĩa vụ với khách hàng hoặc khách hàng không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng dịch vụ miễn phí.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm chi phí mua hàng hóa, chi phí mua phần mềm ban đầu, phí phần mềm theo doanh thu, chi phí triển khai và điều hành trò chơi, và các chi phí liên quan đến trung tâm dữ liệu và các chi phí chung trực tiếp khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ và hàng hóa.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.23 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc kinh doanh các lĩnh vực trò chơi trực tuyến, quảng cáo trực tuyến, dịch vụ công nghệ tài chính và dịch vụ đầu tư dài hạn khác.

Do Tập đoàn có trụ sở tại Việt Nam và Tập đoàn xem báo cáo bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh là báo cáo thông tin bộ phận chính yếu của mình, do đó, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cho rằng việc trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý là không cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con

Trong năm 2023, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Zion tăng từ 69,98% lên 72,654% và VNG DC tăng từ 99,94% lên 99,989% do Tập đoàn hoàn tất các nghiệp vụ góp thêm vốn vào Zion và VNG DC. Đồng thời, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Instpay Holco giảm từ 100,00% xuống 47,73% do Instpay Holco đã hoàn tất việc phát hành thêm cổ phần mới cho các cổ đông hiện hữu, tuy nhiên Tập đoàn không tham gia quá trình này. Chênh lệch giữa giá trị mà Tập đoàn đầu tư thêm vào các công ty con và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn thay đổi vào ngày giao dịch với số tiền là 149.621.322.139 VND được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (*Thuyết minh số 24.1*).

4.2 Thành lập công ty con trong năm

Vào ngày 4 tháng 1 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất việc thành lập Công ty YoPlatform với tỷ lệ sở hữu là 100,00%, tương ứng với số vốn đã góp là 1.592.170.860 VND (tương đương 250.000 AED). Công ty YoPlatform có địa chỉ tại Dubai, Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống Nhất với ngành nghề kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến.

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất việc thành lập Công ty Instpay VN với tỷ lệ sở hữu là 100,00%, tương ứng với số vốn đã góp là 100.000.000 VND. Instpay VN có địa chỉ tại Việt Nam với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất và phát triển phần mềm các loại.

Vào ngày 30 tháng 10 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất việc thành lập Greennode Việt Nam với tỷ lệ sở hữu là 99%, tương ứng với số vốn đã góp là 990.000.000 VND. Greennode Việt Nam có địa chỉ tại Việt Nam với ngành nghề kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin.

Vào ngày 31 tháng 10 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất việc thành lập VNG Solutions với tỷ lệ sở hữu là 100,00%, tương ứng với số vốn đã góp là 500.000.000 VND. VNG Solutions có địa chỉ tại Việt Nam với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất và phát triển phần mềm các loại.

Vào ngày 30 tháng 11 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất việc thành lập Greennode SG với tỷ lệ sở hữu là 99,989%, tương ứng với số vốn đã góp là 2.425.000.000 VND (tương đương 100.000 USD). Greennode SG có địa chỉ tại Singapore với ngành nghề kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu.

4.3 Hủy cổ phiếu quỹ

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 7 năm 2023, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án hủy số cổ phần của Công ty tương ứng với tổng mệnh giá của 7.108.262 cổ phiếu quỹ mà Công ty đã mua lại trước đây. Vào ngày 13 tháng 7 năm 2023, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 42, và vào ngày 18 tháng 8 năm 2023, Công ty cũng đã nhận được Công văn Số 865/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho việc thay đổi vốn nói trên. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty giảm từ 358.442.620.000 VND xuống 287.360.000.000 VND tại ngày này.

4.4 Mất quyền kiểm soát trong Công ty Cloudverse Pte. Ltd ("*Cloudverse*")

Vào ngày 19 tháng 9 năm 2023, Cloudverse, một công ty con trong Tập đoàn, đã hoàn tất việc phát hành thêm 1.667 cổ phần mới cho các cổ đông hiện hữu. Tuy nhiên, Tập đoàn không tham gia vào quá trình này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Cloudverse giảm từ 80% xuống còn 30%, và Cloudverse trở thành công ty liên kết kể từ ngày này.

4.5 Sự kiện khác

Vào ngày 23 tháng 10 năm 2023, Công ty và VTH đã ký kết Hợp đồng Đăng ký Mua Cổ phiếu với một nhà đầu tư chiến lược để chào bán 33.428.572 cổ phần được phát hành thêm bởi VTH, với giá trị giao dịch được quy định trong hợp đồng. Sau khi hoàn thành giao dịch này, nhà đầu tư chiến lược sẽ sở hữu 65% tỷ lệ sở hữu tại VTH và Tập đoàn sẽ giảm tỷ lệ sở hữu trong VTH xuống còn 35%. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, giao dịch vẫn chưa hoàn tất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	246.056.841	657.524.630
Tiền gửi ngân hàng (*)	2.318.667.730.803	2.113.245.391.388
Các khoản tương đương tiền (**)	1.518.993.099.178	515.174.282.441
TỔNG CỘNG	<u>3.837.906.886.822</u>	<u>2.629.077.198.459</u>

(*) Một phần tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đang được dùng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng của một bên liên quan.

(**) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và được hưởng lãi suất dao động từ 0,2% đến 3,75%/năm.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại dưới một (1) năm và được hưởng lãi suất dao động từ 3,5% đến 8,5%/năm.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam có kỳ hạn còn lại trên một (1) năm và được hưởng lãi suất 5,0%/năm.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	507.962.013.419	547.096.854.072
- Apple Inc.	118.361.839.278	25.957.020.956
- Google Inc.	44.057.722.923	21.766.109.681
- Khác	345.542.451.218	499.373.723.435
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 33)	30.241.229.216	11.141.084.152
TỔNG CỘNG	<u>538.203.242.635</u>	<u>558.237.938.224</u>

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	207.208.904.911	313.822.324.759
- Tạp chí Điện tử Tri thức Trực tuyến	71.495.100.000	62.261.580.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nhất Trần	43.171.790.399	56.319.984.850
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Moca	21.416.480.000	-
- Nhà cung cấp khác	71.125.534.512	195.240.759.909
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 33)	6.790.000.000	7.352.937.200
TỔNG CỘNG	<u>213.998.904.911</u>	<u>321.175.261.959</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN
(tiếp theo)

7.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng và trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi và trả trước cho người bán ngắn hạn:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.851.617.779	2.060.728.590
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	80.138.777.381	790.889.189
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(350.500.000)</u>	<u>-</u>
Số cuối năm	<u>82.639.895.160</u>	<u>2.851.617.779</u>

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	275.982.480.210	371.906.020.502
Phải thu ngắn hạn - dịch vụ trung gian thanh toán	93.316.631.133	77.016.247.028
Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	19.592.846.084	12.339.792.044
Tạm ứng cho nhân viên	6.809.379.528	134.475.688.467
Tiền lãi phải thu	6.023.633.584	12.597.116.952
Khác	150.239.989.881	135.477.176.011
Dài hạn	10.888.049.512	15.153.728.062
Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	<u>10.888.049.512</u>	<u>15.153.728.062</u>
TỔNG CỘNG	<u>286.870.529.722</u>	<u>387.059.748.564</u>
Trong đó:		
Phải thu khác bên khác	170.585.592.222	271.496.248.564
Phải thu khác bên liên quan (Thuyết minh số 33)	116.284.937.500	115.563.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	36.937.285.273	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	21.744.302.878	-	37.348.726.121	-
Hàng hóa	21.104.611.235	-	47.540.264.931	-
Hàng khuyến mãi	4.624.349.807	(956.107.119)	4.493.007.190	(1.114.818.086)
Hàng đang đi đường	-	-	570.587.850	-
TỔNG CỘNG	84.410.549.193	(956.107.119)	89.952.586.092	(1.114.818.086)

Chi tiết tình hình giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.114.818.086	1.659.252.837
Sử dụng, hoàn nhập dự phòng trong năm	(158.710.967)	(544.434.751)
Số cuối năm	<u>956.107.119</u>	<u>1.114.818.086</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	212.379.601.605	208.510.553.037
Chi phí kênh phân phối	112.870.019.896	-
Chi phí dịch vụ trả trước	60.494.873.228	129.383.447.037
Phí bản quyền phần mềm	14.312.196.797	59.912.025.389
Công cụ, dụng cụ	13.624.939.875	11.510.995.707
Khác	11.077.571.809	7.704.084.904
Dài hạn	386.388.659.539	268.689.047.771
Tiền thuê đất trả trước (*)	267.360.110.056	115.959.986.522
Công cụ, dụng cụ	63.166.162.582	94.204.204.503
Phí bản quyền âm nhạc	32.684.967.909	32.059.287.315
Chi phí sửa chữa văn phòng	13.182.914.521	21.325.632.987
Chi phí kênh phân phối	4.634.148.881	-
Khác	5.360.355.590	5.139.936.444
TỔNG CỘNG	598.768.261.144	477.199.600.808

(*) Tập đoàn đã sử dụng tiền thuê đất trả trước để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng (Thuyết minh số 22). Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị ghi sổ của tiền thuê đất trả trước dùng để đảm bảo là 267.360.110.056 VND.

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	672.520.104.005	1.251.793.422.635	40.295.594.935	156.037.974.548	53.793.649.435	2.174.440.745.558
Mua trong năm	282.686.586	162.608.976.780	-	5.091.136.513	265.000.000	168.247.799.879
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	859.318.237.692	301.447.956.213	-	-	-	1.160.766.193.905
Thanh lý và xóa sổ	-	(5.194.375.845)	-	(7.159.502.616)	(1.375.740.848)	(13.729.619.309)
Phân loại lại	-	(2.394.343.452)	-	2.394.343.452	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	39.931.515	132.528.202	-	103.828.726	-	276.288.443
Số cuối năm	1.532.160.959.798	1.708.394.164.533	40.295.594.935	156.467.780.623	52.682.908.587	3.490.001.408.476
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	13.462.888.942	776.011.946.472	13.019.895.460	83.498.288.140	51.946.644.951	937.939.663.965
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	115.473.637.800	901.829.806.190	22.075.074.933	103.770.546.048	53.100.692.418	1.196.249.757.389
Khấu hao trong năm	70.382.473.806	128.384.818.583	9.606.637.632	27.227.349.609	360.810.335	235.962.089.965
Thanh lý và xóa sổ	-	(5.194.375.845)	-	(6.414.283.173)	(1.375.740.848)	(12.984.399.866)
Phân loại lại	-	(1.007.185.304)	-	1.007.185.304	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	690.051	68.629.739	-	55.697.588	-	125.017.378
Số cuối năm	185.856.801.657	1.024.081.693.363	31.681.712.565	125.646.495.376	52.085.761.905	1.419.352.464.866
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	557.046.466.205	349.963.616.445	18.220.520.002	52.267.428.500	692.957.017	978.190.988.169
Số cuối năm	1.346.304.158.141	684.312.471.170	8.613.882.370	30.821.285.247	597.146.682	2.070.648.943.610

Trong đó:
Tài sản sử dụng để thế chấp
(Thuyết minh số 22)

1.344.667.226.429 380.670.451.479 - - 1.725.337.677.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 3.6*, việc thay đổi thời gian khấu hao của các máy móc thiết bị, do thay đổi trong ước tính kế toán về thời gian sử dụng hữu ích của các tài sản này, đã làm giảm chi phí khấu hao trong năm với giá trị là 40.540.668.851 VND.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Phần mềm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	828.916.608.361	39.177.121.864	868.093.730.225
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	126.022.814.690	-	126.022.814.690
Mua trong năm	43.172.727.779	3.183.503.625	46.356.231.404
Thanh lý và xóa sổ	(59.149.212.127)	-	(59.149.212.127)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	3.631.144.715	-	3.631.144.715
Số cuối năm	<u>942.594.083.418</u>	<u>42.360.625.489</u>	<u>984.954.708.907</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	466.384.965.312	39.177.121.864	505.562.087.176
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	609.966.793.100	38.393.121.865	648.359.914.965
Hao mòn trong năm	138.322.645.533	783.999.999	139.106.645.532
Thanh lý và xóa sổ	(23.335.927.803)	-	(23.335.927.803)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	3.780.014.038	-	3.780.014.038
Số cuối năm	<u>728.733.524.868</u>	<u>39.177.121.864</u>	<u>767.910.646.732</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>218.949.815.261</u>	<u>783.999.999</u>	<u>219.733.815.260</u>
Số cuối năm	<u>213.860.558.550</u>	<u>3.183.503.625</u>	<u>217.044.062.175</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phần mềm trò chơi đang hoàn thiện	172.071.827.271	44.615.496.290
Hệ thống máy chủ đang hoàn thiện	23.356.780.860	-
Dự án VNG Data Center	-	991.677.904.977
Khác	17.556.843.531	2.425.153.217
TỔNG CỘNG	<u>212.985.451.662</u>	<u>1.038.718.554.484</u>

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.1)	992.467.125.745	1.174.518.367.238
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 14.2)	291.173.144.967	286.612.032.008
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 6)	1.000.000.000	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 14.2)	(102.792.808.196)	(2.357.000.000)
TỔNG CỘNG	<u>1.181.847.462.516</u>	<u>1.458.773.399.246</u>

Chi tiết tình hình tăng dự phòng đầu tư tài chính dài hạn:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.357.000.000	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	100.435.808.196	2.357.000.000
Số cuối năm	<u>102.792.808.196</u>	<u>2.357.000.000</u>

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

	Tiki Global	Rocketeer	Ecotruck	DayOne	Beijing Youtu	Telio	Funding Asia	OCG	VND
Giá trị đầu tư									
Số đầu năm	510.119.999.037	33.093.946.920	131.659.349.655	138.120.000.000	35.338.249.520	515.282.476.878	512.549.703.860	-	1.876.163.725.870
Tăng giá trị đầu tư	-	-	11.850.106.562	-	-	-	-	104.224.076.340	116.074.182.902
Số cuối năm	510.119.999.037	33.093.946.920	143.509.456.217	138.120.000.000	35.338.249.520	515.282.476.878	512.549.703.860	104.224.076.340	1.992.237.908.772
Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua công ty liên kết									
Số đầu năm	(510.119.999.037)	(6.907.862.858)	(23.801.683.214)	1.270.450.502	(35.338.249.520)	(80.369.574.715)	(46.378.439.790)	-	(701.645.358.632)
Phần (lỗ) lợi nhuận từ công ty liên kết	-	(26.186.084.062)	(15.587.677.351)	7.045.220.612	-	(219.098.155.115)	(41.080.514.593)	(3.218.213.886)	(298.125.424.395)
Số cuối năm	(510.119.999.037)	(33.093.946.920)	(39.389.360.565)	8.315.671.114	(35.338.249.520)	(299.467.729.830)	(87.458.954.383)	(3.218.213.886)	(999.770.783.027)
Giá trị còn lại									
Số đầu năm	-	26.186.084.062	107.857.666.441	139.390.450.502	-	434.912.902.163	466.171.264.070	-	1.174.518.367.238
Số cuối năm	-	-	104.120.095.652	146.435.671.114	-	215.814.747.048	425.090.749.477	101.005.862.454	992.467.125.745

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Tiki Global Pte. Ltd ("Tiki Global")

Tiki Global được thành lập theo GCNĐKKD số 202117645H vào ngày 19 tháng 5 năm 2021. Tiki Global có trụ sở chính tại Số 10, Đường Anson, Tòa nhà Quốc tế #21-07, Singapore. Hoạt động chính của Tiki Global là công ty đầu tư.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn nắm giữ 14,61% tỷ lệ sở hữu trong Tiki Global. Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định hai (2) trên chín (9) thành viên Hội đồng Quản trị của Tiki Global, kèm các quyền khác, và có ảnh hưởng đáng kể mặc dù tỷ lệ sở hữu thấp hơn 20%.

Rocketeer Holding Limited ("Rocketeer")

Rocketeer được thành lập theo GCNĐKKD số 379385 vào ngày 29 tháng 7 năm 2021. Rocketeer có trụ sở chính tại ICS Corporate Services (Cayman) Limited, Quảng trường Chính quyền 3-212, Đại lộ 23 Line Tree Bay, P.O. Box 30746, Seven Mile Beach, Grand Cayman KY1-1203, Quần đảo Cayman. Hoạt động chính của Rocketeer là công ty đầu tư.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn nắm giữ 11,25% tỷ lệ sở hữu trong Rocketeer. Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên năm (5) thành viên Hội đồng Quản trị của Rocketeer, kèm các quyền khác, và có ảnh hưởng đáng kể mặc dù tỷ lệ sở hữu thấp hơn 20%.

Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck ("Ecotruck")

Ecotruck được thành lập theo GCNĐKKD số 0314715626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 11 năm 2017. Ecotruck có trụ sở chính tại Số 139/1A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Ecotruck là sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Vào ngày 30 tháng 8 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất việc mua 1,86% tỷ lệ sở hữu trong Ecotruck, theo đó tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Ecotruck tăng từ 25% lên 26,86%. Trong năm 2023, Ecotruck đã hoàn tất phát hành thêm công cụ tài chính cho các nhà đầu tư nhằm tăng vốn, tuy nhiên Tập đoàn không tham gia quá trình này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn đối với Ecotruck bị pha loãng còn 25,29%.

Công ty cổ phần DayOne ("Day One")

DayOne được thành lập theo GCNĐKKD số 0313249098 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 13 tháng 5 năm 2015. DayOne có trụ sở chính tại Tầng 1-5, Tòa nhà 9-11, Đường Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của DayOne là kinh doanh thương mại điện tử.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn nắm giữ 27,27% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng trong DayOne.

Beijing Youtu Interactive Co., Ltd ("Beijing Youtu")

Beijing Youtu được thành lập theo GCNĐKKD số 91110105MA01YKF977 cấp vào ngày 5 tháng 1 năm 2021. Beijing Youtu có trụ sở chính tại 576 East, 202B, Tầng 2, Tòa nhà 1, Số 1, Đường Lize Middle, Quận Changyang, Bắc Kinh, Trung Quốc. Hoạt động chính của Beijing Youtu là phân phối trò chơi điện tử.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn nắm giữ 14% tỷ lệ sở hữu trong Beijing Youtu. Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên ba (3) thành viên Hội đồng Quản trị của Beijing Youtu, kèm các quyền khác, và có ảnh hưởng đáng kể mặc dù tỷ lệ sở hữu thấp hơn 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Telio Pte. Ltd. ("Telio")

Telio được thành lập theo GCNĐKKD số 201902507W cấp vào ngày 21 tháng 1 năm 2019. Telio có trụ sở chính tại Số 30, Đường Cecil, Tòa nhà #19-08 Prudential, Singapore. Hoạt động chính của Telio là công ty đầu tư.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn nắm giữ 16,55% tỷ lệ sở hữu trong Telio (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 16,70%). Vào ngày 6 tháng 10 năm 2023, Telio đã hoàn tất phát hành thêm công cụ tài chính cho các nhà đầu tư nhằm tăng vốn. Tuy nhiên, Tập đoàn không tham gia quá trình này. Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên ba (3) thành viên Hội đồng quản trị của Telio kèm các quyền khác, nên có ảnh hưởng đáng kể mặc dù có tỷ lệ sở hữu ít hơn 20%.

Nhóm Công ty Funding Asia Group Pte. Ltd. ("Funding Asia")

Funding Asia được thành lập theo GCNĐKKD số 201537647E cấp vào ngày 14 tháng 10 năm 2015. Funding Assia có trụ sở chính tại Số 5 Đường Shenton Way, #10-01, Tòa nhà UIC, Singapore. Hoạt động chính của Funding Asia là công ty kinh doanh vận hành và quản lý nền tảng cho vay trực tuyến.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn nắm giữ 4,88% tỷ lệ sở hữu trong Funding Asia (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5,11%). Vào ngày 15 tháng 5 năm 2023, Funding Asia đã hoàn tất phát hành thêm công cụ tài chính cho các nhà đầu tư nhằm tăng vốn. Tuy nhiên, Tập đoàn không tham gia quá trình này. Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên chín (9) thành viên Hội đồng quản trị của Funding Asia kèm các quyền khác, nên có ảnh hưởng đáng kể mặc dù có tỷ lệ sở hữu ít hơn 20%.

OpenCommerce Holding Pte. Ltd. ("OCG")

OCG được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp số 202140908D vào ngày 24 tháng 11 năm 2021. OCG có trụ sở chính tại 1 Raffles Place #40-02 One Raffles Place Singapore 048616. Hoạt động chính của OCG là thương mại điện tử.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất việc chuyển đổi tất cả khoản vay có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu ưu đãi. Theo đó, Tập đoàn đã nắm giữ 12,17% quyền sở hữu của OCG kể từ ngày này. Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên bốn (4) thành viên Hội đồng quản trị của OCG kèm các quyền khác và có ảnh hưởng đáng kể mặc dù tỷ lệ sở hữu ít hơn 20%.

Cloudverse Pte. Ltd ("Cloudverse")

Cloudverse được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp số 202141526E vào ngày 30 tháng 11 năm 2021. Cloudverse có trụ sở chính tại 80 Raffles Place #25-01 UOB Plaza Singapore 048624. Hoạt động chính của Cloudverse là cung cấp dịch vụ tư vấn công nghệ thông tin và lưu trữ dữ liệu.

Vào ngày 19 tháng 9 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất việc chuyển nhượng 50% quyền sở hữu và quyền biểu quyết cho các cổ đông hiện hữu trong Cloudverse. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn đối với Cloudverse bị pha loãng còn 30,00%.

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm				
	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (*)	847.603	4,63	77.025.530.319	(19.388.526.319)	1.035.203	5,99	94.073.593.490	-
Haegin, Co. Ltd, ("Haegin") (**)	55.555	0,57	101.344.813.088	-	55.555	0,58	98.502.979.154	-
Wildseed Games, Inc.	-	-	48.500.000.000	(48.500.000.000)	-	-	47.140.000.000	-
Quý Transcend II (***)	-	-	50.894.372.250	(32.479.281.877)	-	-	33.863.019.000	-
Trái phiếu của Victoria Shanghai Education Foundation Limited	-	-	10.983.429.310	-	-	-	10.675.440.364	-
Real Stake Pte Ltd	-	-	2.425.000.000	(2.425.000.000)	-	-	2.357.000.000	(2.357.000.000)
TỔNG CỘNG			291.173.144.967	(102.792.808.196)			286.612.032.008	(2.357.000.000)

(*) Trong năm 2023, Tập đoàn đã thanh lý 187.600 cổ phần trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT với tổng giá trị chuyển nhượng là 17.697.780.000 VND. Theo đó, Tập đoàn đã ghi nhận khoản lãi từ nghiệp vụ này với giá trị là 649.716.829 VND vào doanh thu tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(**) Trong năm 2023, Haegin đã hoàn tất phát hành thêm công cụ tài chính cho các nhà đầu tư nhằm tăng vốn, tuy nhiên Tập đoàn không tham gia quá trình này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Haegin giảm từ 0,58% thành 0,57%.

(***) Trong năm 2023, Tập đoàn đã góp thêm số tiền là 662.037 Đô la Mỹ (tương đương 17.031.353.250 VND) vào Quý Transcend II ("Transcend") theo như thỏa thuận cam kết đầu tư đã ký kết với Transcend vào ngày 18 tháng 7 năm 2022 để đầu tư vào các công ty phát triển trò chơi điện tử và ngành giải trí kỹ thuật số. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số tiền Tập đoàn đã góp vào Transcend là 2.098.737 Đô la Mỹ (tương đương 50.894.372.250 VND).

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất các công ty con được trình bày như sau:

	VinaData	EPI	MPT	VNG Online	XFIM	Verichains	Tổng cộng
Nguyên giá:							VND
Số đầu năm và số cuối năm	9.814.811.229	11.920.046.178	591.115.321	26.343.737	11.025.955.237	158.604.581.243	191.982.852.945
Phân bổ lũy kế:							
Số đầu năm	(9.814.811.229)	(11.920.046.178)	(591.115.321)	(26.343.737)	(2.756.488.790)	(112.018.885.995)	(137.127.691.250)
Phân bổ trong năm	-	-	-	-	(1.102.595.525)	(38.416.059.880)	(39.518.655.405)
Số cuối năm	(9.814.811.229)	(11.920.046.178)	(591.115.321)	(26.343.737)	(3.859.084.315)	(150.434.945.875)	(176.646.346.655)
Giá trị còn lại:							
Số đầu năm	-	-	-	-	8.269.466.447	46.585.695.248	54.855.161.695
Số cuối năm	-	-	-	-	7.166.870.922	8.169.635.368	15.336.506.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	333.889.718.374	702.386.825.010
- Google Asia Pacific Pte. Ltd.	46.817.181.314	38.492.930.658
- Seasun Games Corporation Limited	38.920.796.627	98.729.387.080
- Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong	10.038.492.263	213.339.322.328
- Phải trả người bán khác	238.113.248.170	351.825.184.944
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	<u>200.134.880.865</u>	<u>224.445.352.116</u>
TỔNG CỘNG	<u>534.024.599.239</u>	<u>926.832.177.126</u>

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	54.903.377.987	21.451.380.124
- Công ty TNHH The Sherpa	14.052.426.696	-
- Công ty TNHH Mitek Viet Nam	4.633.588.706	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến Cộng Đồng Việt	-	2.313.870.640
- Các khách hàng khác	36.217.362.585	19.137.509.484
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 33)	<u>2.429.141.860</u>	<u>3.256.938.436</u>
TỔNG CỘNG	<u>57.332.519.847</u>	<u>24.708.318.560</u>

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Số cuối năm
					VND
Phải thu					
Thuế giá trị gia tăng	222.699.369.193	563.556.738.815	(537.175.081.817)	556.892.358	249.637.918.549
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.600.191.999	5.131.534.276	(234.261.752)	18.609.027	24.516.073.550
Thuế thu nhập cá nhân	67.395.637	-	(67.395.637)	-	-
TỔNG CỘNG	242.366.956.829	568.688.273.091	(537.476.739.206)	575.501.385	274.153.992.099
Phải nộp					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.754.678.035	73.897.438.486	(55.060.175.362)	144.577.894	43.736.519.053
Thuế thu nhập cá nhân	29.130.353.465	283.378.700.491	(277.322.320.357)	532.203.487	35.718.937.086
Thuế giá trị gia tăng	43.550.285.853	1.018.548.050.324	(1.026.834.952.626)	224.934.685	35.488.318.236
Thuế nhà thầu nước ngoài	16.645.069.759	307.645.492.943	(310.463.087.857)	156.238.696	13.983.713.541
Khác	-	15.000.000	(15.000.000)	-	-
TỔNG CỘNG	114.080.387.112	1.683.484.682.244	(1.669.695.536.202)	1.057.954.762	128.927.487.916

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện tiền nhận trước từ khách hàng để thực hiện các dịch vụ trò chơi trực tuyến và các dịch vụ quảng cáo.

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.529.821.224.450	79.778.183.374
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	1.433.097.680.020	-
Dịch vụ khác	96.723.544.430	79.778.183.374
Dài hạn	99.177.031.928	-
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	99.060.513.973	-
Dịch vụ khác	116.517.955	-
TỔNG CỘNG	<u>1.628.998.256.378</u>	<u>79.778.183.374</u>

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí bản quyền phần mềm	838.904.705.351	318.688.329.781
Chi phí lương thưởng	359.709.238.542	377.444.738.579
Chi phí quảng cáo	60.419.093.392	82.429.526.067
Mua tài sản cố định	7.486.896.000	1.743.487.956
Chi phí phải trả khác	118.927.249.759	129.340.493.740
TỔNG CỘNG	<u>1.385.447.183.044</u>	<u>909.646.576.123</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	743.064.453.732	742.836.648.777
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	642.382.729.312	166.809.927.346

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	794.558.454.124	674.822.616.913
Thu hộ	729.192.221.667	499.928.674.814
Thuế nhà thầu nước ngoài	23.500.614.867	34.582.588.726
Nhận đặt cọc mua cổ phần	17.849.830.000	2.959.405.000
Kinh phí công đoàn	15.826.936.535	18.387.469.772
Phải trả khác	8.188.851.055	118.964.478.601
Dài hạn - Nhận đặt cọc	<u>305.659.674</u>	<u>246.635.674</u>
TỔNG CỘNG	<u>794.864.113.798</u>	<u>675.069.252.587</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	793.848.369.514	672.476.814.259
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	1.015.744.284	2.592.438.328

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phân loại lại	Số cuối năm
Ngắn hạn:	44.403.111.008	1.454.539.631.925	(791.058.925.722)	157.561.905.010	865.445.722.221
Vay ngắn hạn ngắn hạn (Thuyết minh số 22.1)	-	1.454.539.631.925	(736.058.925.715)	-	718.480.706.210
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22.2)	44.403.111.008	-	(55.000.000.007)	157.561.905.010	146.965.016.011
Dài hạn:	399.627.999.020	375.662.442.702	-	(157.561.905.010)	617.728.536.712
Vay ngắn hạn dài hạn (Thuyết minh số 22.2)	399.627.999.020	375.662.442.702	-	(157.561.905.010)	617.728.536.712
TỔNG CỘNG	444.031.110.028	1.830.202.074.627	(791.058.925.722)	-	1.483.174.258.933

22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	718.480.706.210	Từ ngày 8 tháng 1 năm 2024 đến ngày 24 tháng 6 năm 2024	6,0 - 7,3	Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất Số 24, Tờ Bản đồ Số 31 (theo tài liệu đo đạc năm 2023), tọa lạc tại Lô Z.03b-04 và Lô Z.05-06-07, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM (Thuyết minh số 10 và số 11).
	Và 40.000.000	cổ phiếu công ty sở hữu tại VinaData.		

Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.2 Vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình					
Khoản vay 1	494.999.999.993	Từ ngày 26 tháng 2 năm 2024 đến ngày 20 tháng 5 năm 2028	8,5 - 11,9	Tài trợ cho dự án "Trung tâm dữ liệu và sản xuất phần mềm"	Bất động sản tọa lạc tại S.38b - 39 - 40, Đường số 19, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam thuộc sở hữu của VNG DC và tài sản hình thành trong tương lai bao gồm công trình xây dựng trên đất và máy móc thiết bị thuộc dự án "Trung tâm dữ liệu và sản xuất phần mềm" (Thuyết minh số 11).
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Sài Gòn					
Khoản vay 1	147.063.526.950	Từ ngày 26 tháng 4 năm 2024 đến ngày 31 tháng 3 năm 2028	9,6	Bổ sung nguồn vốn để mua máy chủ và thiết bị mới	Máy móc, thiết bị thuộc sở hữu của VinaData (Thuyết minh số 11).
Khoản vay 2	64.828.864.740	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2024 đến ngày 26 tháng 6 năm 2028	8,7 - 9,3	Vay thanh toán	Tài sản hình thành từ vốn vay và quyền sử dụng đất tọa lạc tại BF 11-20, Đường số 19, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam thuộc sở hữu của VTH
Khoản vay 3	57.801.161.040	Từ ngày 26 tháng 4 năm 2024 đến ngày 28 tháng 9 năm 2028	7,8	Bổ sung nguồn vốn để mua máy chủ và thiết bị mới	Máy móc, thiết bị thuộc sở hữu của VinaData (Thuyết minh số 11).
TỔNG CỘNG	764.693.552.723				
Trong đó					
Vay dài hạn	617.728.536.712				
Vay dài hạn đến hạn trả	146.965.016.011				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

Chi phí đi vay vốn hóa

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 7.700.790.582 VND vào giá trị của chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 26.230.055.465 VND).

Thỏa thuận vay khác

Vào ngày 13 tháng 12 năm 2023, Verichains SG đã ký Hợp đồng vay với đối tác để vay 1.500.000 đồng tiền Wemix coins trong thời gian 5 năm và chịu lãi suất 2% mỗi năm. Cùng ngày, Verichains SG cũng đã ký Thỏa thuận Node Council Partnership với đối tác này trong thời hạn 1 năm và được tự động gia hạn hàng năm thêm 1 năm nữa. Theo Thỏa thuận Node Council Partnership, Verichains SG đã sử dụng 1.500.000 đồng tiền Wemix ở trên làm tài sản đảm bảo cho việc tham gia Thỏa thuận Node Council Partnership. Theo Hợp đồng vay, khoản vay này sẽ bắt đầu từ ngày hoàn tất các điều khoản của Thỏa thuận Node Council Partnership và Verichains SG không được rút hoặc sử dụng phần lợi nhuận từ 1.500.000 đồng tiền Wemix nêu trên cho đến khi số tiền gốc của những đồng tiền đó được hoàn trả đầy đủ. Verichains SG đã nhận được số tiền Wemix nói trên từ đối tác này trong tháng 1 năm 2024.

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả được trích lập theo Điều 46 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong *Thuyết minh số 3.14*.

Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng công VND
Năm trước:						
Số đầu năm	358.442.620.000	1.133.299.050.771	(1.943.352.107.086)	7.691.797.322	6.648.278.361.893	6.204.359.722.900
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(1.077.143.623.970)	(1.077.143.623.970)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	(349.795.489.758)	678.932.175.508	-	(12.713.430.000)	316.423.255.750
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	(465.469.679.979)	(465.469.679.979)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	-	-	-	2.143.968.051	-	2.143.968.051
Số cuối năm	358.442.620.000	783.503.561.013	(1.264.419.931.578)	9.835.765.373	5.092.951.627.944	4.980.313.642.752
Năm nay:						
Số đầu năm	358.442.620.000	783.503.561.013	(1.264.419.931.578)	9.835.765.373	5.092.951.627.944	4.980.313.642.752
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(2.101.010.258.664)	(2.101.010.258.664)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con (Thuyết minh số 4.1)	-	-	-	-	(149.621.322.139)	(149.621.322.139)
Hủy cổ phiếu quỹ (Thuyết minh số 4.3)	(71.082.620.000)	(1.193.337.311.578)	1.264.419.931.578	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	-	-	-	5.848.452.029	-	5.848.452.029
Số cuối năm	287.360.000.000	(409.833.750.565)	-	15.684.217.402	2.842.320.047.141	2.735.530.513.978

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	28.736.000	35.844.262
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.736.000	35.844.262
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.736.000	28.736.000
Số lượng cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	7.108.262

Cổ phiếu của Tập đoàn đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn được quyền hưởng cổ tức do Tập đoàn công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

24.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông

	Số cuối năm	Số đầu năm VND
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	358.442.620.000	358.442.620.000
Vốn góp giảm trong năm	<u>(71.082.620.000)</u>	-
Số cuối năm	<u>287.360.000.000</u>	<u>358.442.620.000</u>

25. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Năm nay	Năm trước VND
Số đầu năm	134.273.634.810	119.313.521.624
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	149.621.322.139	465.040.111.229
Thanh lý công ty con	6.869.597.918	-
Góp vốn trong năm	42.397.171	6.693.334.503
Cổ tức đã chia	(2.780.018)	-
Lỗ thuần trong năm	<u>(216.234.635.772)</u>	<u>(456.773.332.546)</u>
Số cuối năm	<u>74.569.536.248</u>	<u>134.273.634.810</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	5.482.545.050.342	5.443.957.286.318
Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet	971.686.733.497	739.900.030.376
Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	916.528.012.789	1.286.643.044.313
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	41.420.640.757	29.770.223.626
Dịch vụ khác	180.524.677.920	300.254.190.293
TỔNG CỘNG	<u>7.592.705.115.305</u>	<u>7.800.524.774.926</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với các bên khác</i>	<i>7.419.894.189.918</i>	<i>7.662.157.220.474</i>
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	<i>172.810.925.387</i>	<i>138.367.554.452</i>

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	48.356.061.557	33.087.310.768
Lãi tiền gửi	38.750.167.961	89.378.533.699
Cổ tức được chia	4.273.515.000	9.808.024.000
Lãi thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	649.716.829	3.367.507.788
Khác	2.355.827.101	58.357.196
TỔNG CỘNG	<u>94.385.288.448</u>	<u>135.699.733.451</u>

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí bản quyền phần mềm	1.868.066.990.497	1.550.908.805.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.520.381.405.773	1.025.601.439.725
Chi phí nhân viên	1.505.716.730.919	1.466.195.136.227
Chi phí khấu hao và hao mòn	303.934.463.495	243.023.289.513
Chi phí khác	106.270.456.792	77.767.125.582
TỔNG CỘNG	<u>5.304.370.047.476</u>	<u>4.363.495.796.170</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá trị đầu tư tài chính dài hạn	98.747.310.429	2.357.000.000
Chi phí lãi vay	84.267.203.480	-
Lỗ từ hoạt động đầu tư	20.874.616.355	2.981.450.694
Lỗ chênh lệch tỷ giá	16.964.153.270	20.989.819.608
Chi phí tài chính khác	1.157.738	-
TỔNG CỘNG	<u>220.854.441.272</u>	<u>26.328.270.302</u>

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	2.385.651.703.488	2.727.839.104.351
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.942.189.041.267	2.245.429.074.354
Chi phí nhân viên	416.364.414.468	468.436.266.746
Chi phí khấu hao và hao mòn	92.079.541	397.772.571
Chi phí khác	27.006.168.212	13.575.990.680
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.564.028.649.250	1.578.943.163.656
Chi phí nhân viên	789.781.966.656	823.770.584.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	476.599.394.376	436.476.569.872
Chi phí khấu hao và hao mòn	110.560.847.866	199.876.352.370
Công cụ, dụng cụ	72.135.712.873	91.409.241.973
Chi phí khác	114.950.727.479	27.410.414.793
TỔNG CỘNG	<u>3.949.680.352.738</u>	<u>4.306.782.268.007</u>

30. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	14.610.087.651	23.511.114.336
Khoản hỗ trợ từ đối tác	6.396.837.450	2.080.019.175
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	280.915.887	5.472.659.237
Thu nhập khác	7.932.334.314	15.958.435.924
Chi phí khác	(78.496.462.200)	(200.491.358.789)
Chi phí thanh lý, xóa sổ tài sản	(35.495.264.732)	(55.679.241.095)
Chi phí bồi thường	(24.947.520.046)	-
Chi phí khác	(18.053.677.422)	(144.812.117.694)
LỖ THUẬN KHÁC	<u>(63.886.374.549)</u>	<u>(176.980.244.453)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.939.169.841.416	3.707.507.083.951
Chi phí nhân viên	2.711.863.112.043	2.758.401.987.621
Phí bản quyền phần mềm	1.868.066.990.497	1.550.908.805.123
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định và lợi thế thương mại (Thuyết minh số 11, 12 và 15)	414.587.390.902	443.297.414.453
Công cụ, dụng cụ	137.395.036.358	122.733.554.140
Chi phí khác	182.968.028.998	87.429.218.889
TỔNG CỘNG	<u>9.254.050.400.214</u>	<u>8.670.278.064.177</u>

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh, ngoại trừ các khoản miễn và/hoặc giảm sau đây:

- ▶ VNGS được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2012) và thuế suất ưu đãi 5% cho chín (9) năm tiếp theo sau và 10% cho những năm còn lại tới hết năm 2026.
- ▶ VNG Singapore, ZPI, VNG Investment, Instpay Holco, Instpay SG, Verichains SG và Greennode SG có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 17%.
- ▶ VNG Myanmar có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 22%.
- ▶ MLT HK và Instpay HK có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với tỷ lệ 8,25% trên 2 triệu HKD lợi nhuận đầu tiên tính thuế từ năm đầu tiên và thuế suất 16,5% cho phần lợi nhuận tính thuế còn lại.
- ▶ Instpay AU có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25%.
- ▶ Instpay UK có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 19%, áp dụng cho doanh nghiệp có lợi nhuận chịu thuế thấp hơn 50 nghìn Bảng Anh.
- ▶ KMZ có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% được miễn thuế TNDN trong 2 năm từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được hưởng thuế suất thuế TNDN ưu đãi 12,5% trong 3 năm tiếp theo.
- ▶ VinaData có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 10% được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Công nghệ cao (2021) và giảm 50% thuế suất thuế TNDN áp dụng trong sáu (6) năm tiếp theo. Việc miễn, giảm thuế này chỉ áp dụng đối với thu nhập từ nhóm sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao.
- ▶ DMF được miễn thuế TNDN đối với thu nhập đóng góp cho mục đích từ thiện theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Việt Nam.
- ▶ YoPlatform có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với tỷ lệ 0% trên 375 ngàn AED lợi nhuận đầu tiên tính thuế từ năm đầu tiên và thuế suất 9% cho phần lợi nhuận tính thuế còn lại.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	74.131.700.238	146.841.504.651
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	93.286.957.521	268.499.873.286
TỔNG CỘNG	<u>167.418.657.759</u>	<u>415.341.377.937</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lỗ kế toán trước thuế	<u>(2.149.826.236.677)</u>	<u>(1.118.575.578.579)</u>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Tập đoàn	(516.574.299.079)	(227.359.046.080)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Cổ tức và thu nhập khác từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(624.487.026)	(1.961.604.800)
Lỗ thuế chưa ghi nhận	261.715.440.820	581.880.576.073
Lỗ từ công ty liên kết	59.625.084.879	36.242.701.605
Chi phí không được trừ	70.048.099.431	11.792.634.506
Phân bổ giá trị lợi thế thương mại	7.903.731.078	22.636.243.554
Thuế được miễn, giảm	(3.311.897.925)	(19.345.539.826)
Khác	288.636.985.581	11.455.412.905
Chi phí thuế TNDN	<u>167.418.657.759</u>	<u>415.341.377.937</u>

32.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với tổng lỗ kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước	
Lỗi có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	6.815.250.989	1.764.263.164	5.050.987.825	(22.561.164.196)	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20.574.346	36.568.265	(15.993.919)	(289.667.473)	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	3.618.573	(3.618.573)	(18.383.436)	
Khác	2.427.590.066	1.038.895.889	1.388.694.177	(11.970.988.536)	
	9.263.415.401	2.843.345.891			
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại					
Dự phòng đầu tư dài hạn vào công ty con và công ty liên kết	(670.811.336.560)	(542.137.229.943)	(128.674.106.617)	(233.975.975.909)	
Khác biệt cơ sở ghi nhận doanh thu	(8.722.990.477)	(41.338.769.712)	32.615.779.235	(4.711.784.272)	
Hao mòn bán quyền phần mềm trò chơi và khấu hao máy móc	(5.381.292.342)	(2.204.476.503)	(3.176.815.839)	5.181.298.262	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	(625.091.536)	(153.207.726)	(471.883.810)	(153.207.726)	
	(685.540.710.915)	(585.833.683.884)			
Thuế TNDN hoãn lại phải trả					
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(93.286.957.521)	(268.499.873.286)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.4 Lỗi thuế chuyển sang các năm sau

Các công ty trong Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗi thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai, với chi tiết như sau:

- Zion, VNG, XFM, VNGO, DMF, VNG DC, A4B, Verichains, KMZ và VTH được phép chuyển lỗi trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ năm phát sinh khoản lỗi thuế đó;
- VNG Myanmar được phép chuyển lỗi trong vòng ba (3) năm liên tục kể từ năm phát sinh khoản lỗi thuế đó;
- VNG Sing Taiwan được phép chuyển lỗi trong vòng mười (10) năm liên tục kể từ năm phát sinh khoản lỗi thuế đó; và
- Các công ty còn lại được phép chuyển lỗi vô thời hạn.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có các khoản lỗi thuế lũy kế với tổng giá trị là 6.847.290.805.049 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5.693.929.813.620 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗi đến năm	Lỗi thuế	Đã chuyển lỗi đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Không được chuyển lỗi	VND Chưa chuyển lỗi tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
Zion (*)					
2018	2023	180.589.964.996	-	(180.589.964.996)	-
2019	2024	344.902.359.223	-	-	344.902.359.223
2020	2025	685.983.587.158	-	-	685.983.587.158
2021	2026	1.229.426.701.077	-	-	1.229.426.701.077
2022	2027	1.309.878.614.959	-	-	1.309.878.614.959
2023	2028	721.142.132.923	-	-	721.142.132.923
VNG (*)					
2021	2026	254.223.078.671	-	-	254.223.078.671
2022	2027	1.327.933.407.364	-	-	1.327.933.407.364
2023	2028	377.743.953.245	-	-	377.743.953.245
VNG Singapore (*)					
2018	Vô thời hạn	74.597.288.547	-	-	74.597.288.547
2020	Vô thời hạn	13.436.296.127	-	-	13.436.296.127
2022	Vô thời hạn	192.122.663.584	-	-	192.122.663.584
2023	Vô thời hạn	45.243.368.950	-	-	45.243.368.950
VNG Singapore Taiwan (*)					
2023	2033	23.433.801.127	-	-	23.433.801.127
XFM (*)					
2020	2025	5.735.187.541	-	-	5.735.187.541
2021	2026	16.312.706.534	-	-	16.312.706.534
2022	2027	15.512.810.994	-	-	15.512.810.994
2023	2028	22.700.395.189	-	-	22.700.395.189
VNGO (*)					
2023	2028	44.296.363.685	-	-	44.296.363.685
DMF (*)					
2022	2027	161.570.256	-	-	161.570.256
VNG DC (*)					
2022	2027	1.016.255.900	-	-	1.016.255.900
2023	2028	41.139.228.841	-	-	41.139.228.841
A4B					
2022	2027	1.815.902.495	(1.815.902.495)	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.4 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước (tiếp theo)

Chi tiết như sau: (tiếp theo)

		VND			
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
VNG Myanmar (*)					
2021	2024	3.801.773.130	-	-	3.801.773.130
2023	2026	1.376.508.877	-	-	1.376.508.877
Verichains					
2022	2027	5.989.157.425	(2.592.339.733)	-	3.396.817.692
KMZ					
2022	2027	24.565.174.131	-	-	24.565.174.131
2023	2028	24.543.549.804	-	-	24.543.549.804
Instpay Holco (*)					
2022	Vô thời hạn	126.296.273	-	-	126.296.273
2023	Vô thời hạn	770.113.775	-	-	770.113.775
Instpay SG (*)					
2022	Vô thời hạn	119.376.583	-	-	119.376.583
2023	Vô thời hạn	14.369.332.810	-	-	14.369.332.810
Instpay AU (*)					
2022	Vô thời hạn	3.612.777.026	-	-	3.612.777.026
2023	Vô thời hạn	14.717.499.572	-	-	14.717.499.572
Instpay UK (*)					
2023	Vô thời hạn	1.754.042.834	-	-	1.754.042.834
Instpay HK (*)					
2023	Vô thời hạn	27.044.784	-	-	27.044.784
Instpay VN (*)					
2023	Vô thời hạn	2.104.397	-	-	2.104.397
Greennode (*)					
2023	Vô thời hạn	4.113.258	-	-	4.113.258
VTH (*)					
2022	2027	11.798.280	-	-	11.798.280
2023	2028	6.822.488.646	-	-	6.822.488.646
YoPlatform (*)					
2023	Vô thời hạn	328.221.282	-	-	328.221.282
TỔNG CỘNG		7.032.289.012.273	(4.408.242.228)	(180.589.964.996)	6.847.290.805.049

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty mẹ và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế trị giá là 6.771.351.462.296 VND của Zion, VNG, VNG Sing, VNG Sing Taiwan, XFM, VNGO, DMF, VNG DC, VNG Myanmar, Instpay Holco, Instpay SG, Instpay AU, Instpay HK, Instpay VN, Greennode VN, VTH, và YoPlatform do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
A4B	Công ty con
Adtima	Công ty con
DMF	Công ty con
EPI	Công ty con
Fiza	Công ty con
Greennode SG	Công ty con
Greennode Việt Nam	Công ty con
Instpay AU	Công ty con
Instpay HK	Công ty con
Instpay Holco	Công ty con
Instpay SG	Công ty con
Instpay UK	Công ty con
Instpay VN	Công ty con
KMZ	Công ty con
Mixus	Công ty con
MLT HK	Công ty con
MPT	Công ty con
Thanh Sơn	Công ty con
Verichains	Công ty con
Verichains SG	Công ty con
VinaData	Công ty con
Vinanet	Công ty con
VNG DC	Công ty con
VNG Games	Công ty con
VNG Investment	Công ty con
VNG Myanmar	Công ty con
VNG Online	Công ty con
VNG Singapore	Công ty con
VNG Solutions	Công ty con
VNGS	Công ty con
VTH	Công ty con
XFM	Công ty con
YoPlatform	Công ty con
Zie	Công ty con
Zion	Công ty con
ZPI	Công ty con
ZPS	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:
(tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Beijing Youtu	Công ty liên kết
Cloudverse	Công ty liên kết
Day One	Công ty liên kết
Ecotruck	Công ty liên kết
Funding Asia	Công ty liên kết
OCG	Công ty liên kết
Rocketeer	Công ty liên kết
Telio	Công ty liên kết
Tiki Global	Công ty liên kết
Dorocat Games Co., Ltd ("Dorocat")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Ti Ki ("Tiki")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Tikinow Smart Logistics ("Tikinow")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Telio Việt Nam ("Telio Vietnam")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Got It ("Got It")	Công ty con của công ty liên kết
Tencent Technology (Shenzhen) Company Limited ("Tencent Shenzhen")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Tencent Technology (Shanghai) Co. Ltd ("Tencent Shanghai")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Tencent Mobile International Ltd. ("Tencent Mobile")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Proxima Beta Pte. Limited ("Proxima")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Riot Games Services Pte Ltd. ("Riot Games Services")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Aceville Pte. Ltd. ("Aceville")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
VNG Limited	Bên liên quan do có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Công nghệ BigV ("BigV")	Bên liên quan do có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Ông Wong Kelly Yin Hon	Phó Tổng Giám đốc VNG, Tổng Giám đốc VNG Games
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Proxima	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm Cung cấp dịch vụ quảng cáo Chi phí vận hành Hỗ trợ từ đối tác	445.935.118.885 27.710.574.615 6.239.205.851 6.186.185.202	427.057.050.154 1.321.399.394 - -
Riot Games Services	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm Cung cấp dịch vụ quảng cáo	390.405.155.838 46.405.905.387	162.029.011.817 9.233.567.912
Tencent Shenzhen	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm Phí cam kết	234.892.446.406 23.861.000.000	43.942.877.296 -
OpenCommerce Holding Pte. Ltd.	Công ty liên kết	Vốn chuyển đổi từ vốn vay	104.224.076.340	-
Got It	Công ty con của công ty liên kết	Bán thẻ cào Mua hàng hóa	95.715.339.196 237.712.860	97.896.550.242 -
Aceville	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Mua dịch vụ	80.944.206.969	46.833.699.441
BigV	Bên liên quan do có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Hoàn đặt cọc mua cổ phần Thu nhập lãi vay	80.000.000.000 203.295.720	- -
Ecotruck Technology JSC	Công ty liên kết	Góp vốn	11.850.106.562	46.799.918.402
TIKI	Công ty con của công ty liên kết	Dịch vụ hỗ trợ thanh toán trực tuyến Chi phí tiếp thị	2.138.399.138 1.506.340.748	7.192.536.607 -
Day One	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo Mua dịch vụ Mua dịch vụ Mua hàng hóa Cung cấp dịch vụ	1.727.342 - 553.425.001 449.234.999 227.335.746	2.143.679.027 13.240.171.729 1.037.734.000 - 155.211.954

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Telio Việt Nam	Công ty con của công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	611.643.963	371.731.518
Tencent Shanghai	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	77.280	1.416.257.059
Telio	Công ty liên kết	Góp vốn	-	515.282.476.878
Funding Asia	Công ty liên kết	Góp vốn	-	512.549.703.860
Tencent Mobile	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	-	20.052.515.071
TIKinow	Công ty con của công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	362.727
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		Phải thu khác	-	115.563.500.000

Số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)				
Riot Games Services	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	24.384.667.401	5.273.481.090
Proxima	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	5.753.530.601	-
TIKI	Công ty con của công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	91.358.011	476.144.092
Day One	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	11.673.203	-
Telio Vietnam	Công ty con của công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	-	20.000.000
Tencent Mobile	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	-	5.371.458.970
			30.241.229.216	11.141.084.152

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7.2)					
Doracat	Công ty con của công ty liên kết	Phí bảo lãnh tối thiểu	6.790.000.000	6.599.600.000	
Ti Ki	Công ty con của công ty liên kết	Mua thẻ trò chơi trả trước	-	753.337.200	
			6.790.000.000	7.352.937.200	
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)					
Riot Games Services	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Trích trước doanh thu	721.437.500	-	
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		Phải thu khác	115.563.500.000	115.563.500.000	
			116.284.937.500	115.563.500.000	
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)					
Proxima	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Mua dịch vụ	141.744.168.783	101.460.396.920	
Aceville	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Mua dịch vụ	32.651.934.551	25.650.963.258	
Tencent Shenzhen	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	25.210.313.371	8.346.504.651	
Day One	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	507.570.000	187.000.000	
Got It	Công ty con của công ty liên kết	Mua dịch vụ	20.894.160	-	
Riot Games Services	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Mua dịch vụ	-	88.467.684.777	
Tencent Shanghai	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	-	332.802.510	
			200.134.880.865	224.445.352.116	

Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 17)					
Got It	Công ty con của Công ty liên kết	Bán thẻ cào	2.429.141.860	3.256.938.436	
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 20)					
Riot Games Services	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	240.495.754.676	29.839.520.933	
Tencent Shenzhen	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm Phí cam kết	218.352.501.293 24.250.000.000	26.689.726.754	
Proxima	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	146.286.918.288	106.083.177.267	
Aceville	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Chi phí vận hành Mua dịch vụ	5.038.558.055 7.958.997.000	-	
Tencent Shanghai	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	-	4.168.760.124	
				28.742.268	
			642.382.729.312	166.809.927.346	
Phải trả khác (Thuyết minh số 21)					
Tiki	Công ty con của Công ty liên kết	Thu hộ	680.425.947	2.546.560.883	
Day One	Công ty liên kết	Thu hộ	335.318.337	45.877.445	
			1.015.744.284	2.592.438.328	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát bao gồm lương và các chi phí liên quan như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	34.916.988.582	31.187.478.648
Thành viên Hội đồng Quản trị	6.629.771.000	5.289.552.000
Thành viên Ban kiểm soát	180.000.000	180.000.000
TỔNG CỘNG	<u>41.726.759.582</u>	<u>36.657.030.648</u>

34. LỖ TRÊN CỔ PHIẾU

Lỗ cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lỗ suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	Năm nay	Năm trước
Lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)	(2.101.010.258.664)	(1.077.143.623.970)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	<u>28.736.000</u>	<u>25.949.543</u>
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong năm (*)	<u>28.736.000</u>	<u>25.949.543</u>
Lỗ trên mỗi cổ phiếu		
Lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(73.114)	(41.509)
Lỗ suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(73.114)	(41.509)

(*) Các công cụ sau có khả năng pha loãng lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu trong tương lai nhưng không được đưa vào tính toán lỗ suy giảm trên mỗi cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vì chúng có tác dụng suy giảm ngược cho năm hiện tại được trình bày:

	Năm nay
Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ ESOP III	973.410
Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ chương trình quyền chọn mua cho nhà cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến	<u>767.846</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.741.256</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	57.684.714.812	54.948.329.105
Từ 1 đến 5 năm	88.063.480.985	36.309.298.481
TỔNG CỘNG	<u>145.748.195.797</u>	<u>91.257.627.586</u>

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có các cam kết liên quan đến việc thi công công trình, mua phí bản quyền trò chơi, mua sắm máy móc thiết bị và các cam kết khác được thể hiện như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí bản quyền trò chơi	67.354.375.000	168.289.800.000
Phí đảm bảo tối thiểu	38.981.875.000	148.962.400.000
Máy móc và thiết bị	7.475.635.000	115.180.399.050
Dự án Trung tâm dữ liệu	37.689.300	19.713.890.612
Quyền sử dụng đất thuê	-	64.828.864.740
TỔNG CỘNG	<u>113.849.574.300</u>	<u>516.975.354.402</u>

Nghĩa vụ pháp lý

Tập đoàn đang có liên quan đến nghĩa vụ pháp lý tiềm tàng phát sinh từ một vụ kiện vi phạm bản quyền tại Hoa Kỳ. Yêu cầu khiếu kiện của nguyên đơn đã bị tòa án liên quan bác bỏ vào tháng 11 năm 2019, sau đó đơn kháng cáo đã được nộp lại bởi nguyên đơn vào ngày 22 tháng 12 năm 2019. Vào ngày 21 tháng 7 năm 2022, một hội đồng gồm ba thẩm phán của Tòa Phúc thẩm Liên bang Hoa Kỳ Khu vực 9 đã bác bỏ phán quyết của tòa án cấp dưới vì thiếu quyền tài phán và tạm hoãn vụ việc để tiến hành các thủ tục tố tụng tiếp theo. Vào ngày 2 tháng 9 năm 2022, Tập đoàn đã đệ đơn lên Tòa Phúc thẩm Liên bang Hoa Kỳ Khu vực 9 để yêu cầu việc thực thi quyền tài phán, nhưng đã bị từ chối vào ngày 23 tháng 11 năm 2022. Đơn yêu cầu của Tập đoàn đã bị Tòa án Tối cao từ chối vào ngày 30 tháng 5 năm 2023. Hiện tại, Tập đoàn đang tiếp tục tiến hành các thủ tục tố tụng tại Tòa Sơ thẩm.

Ở thời điểm hiện tại, Tập đoàn đánh giá rằng sẽ không có khả năng Tập đoàn phải sử dụng một số tiền lớn hoặc các tài sản khác có thể phát sinh từ kết quả không tích cực của các thủ tục tố tụng trong tương lai. Thêm vào đó, Tập đoàn không kỳ vọng rằng giải pháp cuối cùng của bất kỳ thủ tục tố tụng nào sẽ gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình tài chính hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Các cam kết khác

- (i) Trong năm 2022, Tập đoàn đã thành lập một pháp nhân, VNG Limited, để làm phương tiện niêm yết. Theo các điều khoản của thỏa thuận đăng ký, khoản cam kết của Tập đoàn với số tiền là 24 triệu đô la Mỹ được thừa nhận là phụ thuộc vào đợt phát hành lần đầu ra công chúng ("IPO") của VNG Limited. Nếu đợt IPO không diễn ra vào một ngày cụ thể, Tập đoàn sẽ không được coi là đã vi phạm nghĩa vụ tài trợ số tiền đã cam kết theo yêu cầu. Tổng số tiền cam kết dự kiến sẽ được gọi trong hơn 5 năm kể từ ngày ký thỏa thuận đăng ký. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn không có ý định gia hạn hợp đồng. Nếu không đạt được thỏa thuận đối tác thích hợp vào một ngày cụ thể (tức là trong vòng sáu (6) tháng sau Ngày khóa sổ), thì Tập đoàn có thể chấm dứt hợp đồng đăng ký mà không phải chịu khoản phạt nào.
- (ii) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn có một cam kết sẽ bồi thường và/hoặc không gây thiệt hại cho một số đối tác liên quan đến các tổn thất, thiệt hại và chi phí mà các đối tác này thực sự gánh chịu hoặc phát sinh liên quan đến các sự kiện đã thỏa thuận trước.
- (iii) Trong năm 2022, Tập đoàn có ký kết một Hợp đồng Mua bán với một cổ đông của Zion, nhằm mục đích mua lại phần tỷ lệ sở hữu còn lại của cổ đông này tại Zion, phụ thuộc vào các điều kiện hoàn tất được quy định. Tập đoàn cũng có Thư cam kết với cổ đông này, rằng trong trường hợp các điều kiện hoàn tất không được đáp ứng, bao gồm nhưng không giới hạn đối với việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của VNG Limited không được diễn ra trước một thời điểm cụ thể, một Thỏa thuận Mua bán mới sẽ được ký kết, thông qua thỏa thuận hoán đổi cổ phiếu hoặc cổ đông không kiểm soát này, trong trường hợp các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của cả hai bên, sẽ tiếp tục nắm giữ cổ phần trong Zion. Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, các bên đồng ý rằng các điều kiện hoàn tất đã được đáp ứng hoặc được miễn bỏ.

36. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này trong thuyết minh bên dưới do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Chi tiết các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần II (“ESOP II”)

Tập đoàn có ESOP II (quyền mua cổ phiếu với giá 20.000 VND/cổ phiếu) với tổng số quyền mua cổ phiếu là 3.551.232 và được cấp từ tháng 7 năm 2012 đến hết năm 2018.

Chi tiết về chương trình cổ phiếu được tóm tắt như sau:

1. Kế hoạch thực hiện

Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 5 năm, tính từ ngày cấp đầu tiên. Các quyền mua được cấp sau ngày 28 tháng 5 năm 2015 được thực hiện trong vòng 3 hoặc 4 năm kể từ ngày cấp đầu tiên.

2. Các điều khoản

(i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 20% tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị). Đối với quyền mua được cấp sau ngày 28 tháng 5 năm 2015, tỷ lệ này là 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt). Nhân viên bắt đầu được thực hiện quyền mua cổ phần sau khi kết thúc 12 tháng kể từ ngày được cấp quyền mua.

(ii) Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 hàng năm. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của năm đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.

3. Điều kiện

(i) Quyền chọn mua sẽ bị hủy bỏ nếu điều kiện đã cam kết không đạt được.

(ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Biến động của số lượng quyền mua đã cấp và giá thực hiện trong năm được trình bày như sau:

	Năm nay		Năm trước	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số dư tại ngày 1 tháng 1	20.000	-	20.000	42.500
Thực hiện quyền mua trong năm	20.000	-	20.000	(42.500)
Số dư tại ngày 31 tháng 12		-		-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần III (“ESOP III”)

Tập đoàn có ESOP III (quyền mua cổ phiếu với giá 30.000 VND/cổ phiếu) với tổng số quyền mua cổ phiếu là 2.921.832 và được cấp từ tháng 7 năm 2018 đến hết năm 2023.

1. Kế hoạch thực hiện

Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 3 hoặc 4 năm từ ngày cấp đầu tiên.

2. Các điều khoản

(i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt) tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị). Nhân viên bắt đầu được thực hiện quyền mua cổ phần sau khi kết thúc 12 tháng kể từ ngày được cấp quyền mua.

(ii) Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của năm đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.

3. Điều kiện

(i) Nhân viên chỉ được quyền thực thi quyền mua cổ phiếu với điều kiện là vẫn đang làm việc tại Tập đoàn tại thời điểm thực thi quyền mua cổ phiếu; tại bất kỳ thời điểm nào mà nhân viên ngừng làm việc tại Tập đoàn vì bất kỳ lý do gì, mọi quyền chọn mua chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.

(ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Tập đoàn.

Biến động của số lượng quyền mua đã cấp và giá thực hiện trong năm được trình bày như sau:

	Năm nay		Năm trước	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số dư tại ngày 1 tháng 1	30.000	753.876	30.000	704.887
Cấp trong năm	30.000	685.834	30.000	389.680
Mất quyền mua trong năm	30.000	(51.967)	30.000	(36.204)
Thực hiện quyền mua trong năm	30.000	(498.039)	30.000	(304.487)
Số dư tại ngày 31 tháng 12		<u>889.704</u>		<u>753.876</u>

Chương trình khác

Trong năm 2022, Tập đoàn đã đồng ý phát hành 4.600 cổ phiếu của công ty con, Instpay Holco cho một cá nhân, với giá trị danh nghĩa là 0,01 USD/cổ phiếu. Vào ngày 1 tháng 1 năm 2023, các điều kiện tiên quyết của ngày cấp quyền đã được thỏa mãn, đồng thời cũng xác định là ngày trao quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Ngoại tệ:</i>		
- TWD	16.616.101	101.010.478
- USD	8.833.614	16.495.601
- THB	8.786.765	5.726.664
- SGD	4.582.594	4.641.402
- MMK	4.287.291	7.928.300
- CNY	1.507.659	824.686
- AUD	264.477	339.947
- PHP	37.173	200.000
- AED	8.942	-
- INR	-	330

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Trò chơi trực tuyến;
- Truyền thông đa phương tiện;
- Dịch vụ công nghệ tài chính; và
- Dịch vụ đầu tư dài hạn khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được cung cấp cho theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

VND

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Trò chơi trực tuyến	Truyền thông đa phương tiện	Dịch vụ công nghệ tài chính	Dịch vụ đầu tư dài hạn khác	Tổng cộng	Loại trừ Chưa được phân bổ	Hợp nhất
Doanh thu theo bộ phận kinh doanh							
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	5.498.783.620.408	1.609.724.398.721	405.619.172.632	286.397.583.165	7.800.524.774.926	-	7.800.524.774.926
Doanh thu giữa các bộ phận	13.115.062.601	297.110.089.143	145.858.645.572	352.218.976.165	808.302.773.481	(808.302.773.481)	-
Tổng doanh thu từ hợp đồng với khách hàng	5.511.898.683.009	1.906.834.487.864	551.477.818.204	638.616.559.330	8.608.827.548.407	(808.302.773.481)	7.800.524.774.926
Lợi nhuận/(lỗ) của bộ phận kinh doanh	985.442.528.054	450.829.686.682	(1.618.353.090.625)	(89.057.907.605)	(271.138.783.494)	(775.594.750.210)	(1.046.733.533.704)
Đổi chiếu							
Các khoản chi phí không được phân bổ							135.699.733.451
Doanh thu tài chính							(26.328.270.302)
Chi phí tài chính							(181.213.508.024)
Lỗ từ công ty liên kết							(1.118.575.578.579)
Tổng lỗ trước thuế							-
THÔNG TIN KHÁC:							
Tài sản và công nợ	1.316.420.879.548	609.012.311.561	995.680.361.506	3.100.550.228.897	6.021.663.781.512	-	6.021.663.781.512
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	-	2.878.051.381.443	2.878.051.381.443
Tài sản không phân bổ	1.316.420.879.548	609.012.311.561	995.680.361.506	3.100.550.228.897	6.021.663.781.512	2.878.051.381.443	8.899.715.162.955
Tổng tài sản	1.005.130.080.668	250.051.443.032	629.886.102.987	838.006.417.766	2.723.074.044.453	-	2.723.074.044.453
Công nợ bộ phận	-	-	-	-	-	1.062.053.840.940	1.062.053.840.940
Công nợ không phân bổ	1.005.130.080.668	250.051.443.032	629.886.102.987	838.006.417.766	2.723.074.044.453	1.062.053.840.940	3.785.127.885.393
Tổng công nợ							

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được cung cấp cho theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023						VND
	Trò chơi trực tuyến	Truyền thông đa phương tiện	Dịch vụ công nghệ tài chính	Dịch vụ đầu tư dài hạn khác	Tổng cộng	Loại trừ/ Chưa được phân bổ	Hợp nhất
Doanh thu theo bộ phận kinh doanh							
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	5.585.516.939.173	1.079.734.637.717	625.271.428.517	302.182.109.898	7.592.705.115.305	-	7.592.705.115.305
Doanh thu giữa các bộ phận	4.694.283.382	203.331.775.810	146.584.014.562	430.097.985.695	784.708.059.449	(784.708.059.449)	-
Tổng doanh thu từ hợp đồng với khách hàng	5.590.211.222.555	1.283.066.413.527	771.855.443.079	732.280.095.593	8.377.413.174.754	(784.708.059.449)	7.592.705.115.305
Lợi nhuận (lỗ) của bộ phận kinh doanh	390.721.343.007	(241.300.982.090)	(934.237.810.888)	(145.313.541.659)	(930.130.991.630)	(795.100.667.828)	(1.725.231.659.458)
Đối chiếu							
Các khoản chi phí không được phân bổ							94.385.288.448
Doanh thu tài chính							(220.854.441.272)
Chi phí tài chính							(298.125.424.395)
Lỗ từ công ty liên kết							
Tổng lỗ trước thuế							(2.149.826.236.677)
THÔNG TIN KHÁC:							
Tài sản và công nợ Tài sản bộ phận	1.495.199.122.023	511.325.182.502	1.226.259.214.854	3.247.954.260.319	6.480.737.779.698	-	6.480.737.779.698
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	3.113.928.839.127	3.113.928.839.127
Tổng tài sản	1.495.199.122.023	511.325.182.502	1.226.259.214.854	3.247.954.260.319	6.480.737.779.698	3.113.928.839.127	9.594.666.618.825
Công nợ bộ phận	3.011.976.727.141	251.056.531.255	790.856.766.439	894.728.078.944	4.948.618.103.779	-	4.948.618.103.779
Công nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	1.835.948.464.820	1.835.948.464.820
Tổng công nợ	3.011.976.727.141	251.056.531.255	790.856.766.439	894.728.078.944	4.948.618.103.779	1.835.948.464.820	6.784.566.568.599

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 23 tháng 10 năm 2023, VinaData đã ký kết Hợp đồng Mua bán Cổ phiếu để chuyển nhượng 34.104.000 cổ phần, tương đương với 49% tỷ lệ sở hữu trong một công ty con của đơn vị này cho một nhà đầu tư chiến lược. Vào ngày 16 tháng 1 năm 2024, giao dịch này đã hoàn tất và tổng số tiền thu được từ giao dịch là 601.063.000.000 VND.

Vào ngày 30 tháng 1 năm 2024, Greennode SG đã hoàn tất ký hợp đồng với đối tác để thuê tài chính các thiết bị sử dụng cho dịch vụ Cloud của Greennode SG với giá trị ước tính là 181.325.519.250 VND.

Vào ngày 24 tháng 4 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất thủ tục thành lập VNG Technologies L.L.C tại Dubai, Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống Nhất. Theo đó, VNG Technologies L.L.C trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Trong năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất góp vốn vào Greennode Co., Ltd tại Thái Lan. Theo đó, Greennode Co., Ltd trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Ngoài các sự kiện nêu trên và sự kiện được trình bày ở *Thuyết minh số 22*, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Lê Thị Hồng Hạnh
Người lập



Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



M.S.D.N: 0303490096-C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VNG
Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 5 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 0467/2024/CV-VNG

V/v: giải trình chênh lệch lỗ sau thuế TNDN trên BCTC hợp nhất năm nay so với năm trước; lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ báo cáo bị lỗ; và chênh lệch lỗ sau thuế TNDN trước và sau kiểm toán

Tp. HCM, ngày 10 tháng 5 năm 2024

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

- Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần VNG (“VNG/Công ty”)
- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần VNG
- Mã chứng khoán: VNZ

Trụ sở chính: Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

4. Nội dung:

VNG xin được giải trình về việc chênh lệch lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trên báo cáo tài chính (“BCTC”) hợp nhất đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (“Năm nay”) thay đổi từ 10% trở lên so với năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (“Năm trước”); lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ báo cáo bị lỗ; và chênh lệch lỗ sau thuế TNDN trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chi tiết như sau:

Báo cáo tài chính hợp nhất:

VND

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	%
Lỗ sau thuế TNDN	(2.317.244.894.436)	(1.533.916.956.516)	51%

Chỉ tiêu	Năm nay		%
	Sau kiểm toán	Trước kiểm toán	
Lỗ sau thuế TNDN	(2.317.244.894.436)	(756.167.527.425)	67%

Nguyên nhân:

Lỗ sau thuế TNDN trên báo cáo tài chính hợp nhất năm nay tăng từ 10% trở lên so với năm trước; lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ báo cáo bị lỗ; và chênh lệch lỗ sau thuế TNDN trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chủ yếu do thay đổi trong chính sách kế toán trong năm 2023 liên quan đến việc ghi nhận doanh thu trò chơi trực tuyến trên cơ sở hệ thống đã cho phép theo dõi và ghi nhận số liệu người chơi một cách chi tiết. Theo đó, trong năm 2023, VNG thực hiện việc ghi nhận Doanh thu chưa thực hiện cho phần nghĩa vụ chưa hoàn thành đối với người chơi. Việc thay đổi trong chính sách kế toán này được áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 trên cơ sở phi hồi tố. Theo



đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo tài chính hợp nhất là không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán năm hiện tại do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán trên cơ sở phi hồi tố nêu trên.

Đây là nguyên nhân chủ yếu khiến doanh thu năm nay giảm so với năm trước và lỗ sau thuế TNDN trên báo cáo tài chính hợp nhất năm nay tăng từ 10% trở lên so với năm trước, đồng thời dẫn tới lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ báo cáo bị lỗ, doanh thu sau kiểm toán thấp hơn trước kiểm toán cũng như lỗ sau thuế TNDN sau kiểm toán cao hơn trước kiểm toán.

Công ty Cổ phần VNG giải trình đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và Quý cổ đông được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TRẦN VĂN KHÁNH GIANG

